TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/DS-PT
Ngày: 14/01/2021
"V/v *tranh chấp về phường"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quyết.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hải Bằng và ông Trần Hữu Hiệu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Công - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Ông Nguyễn Văn Tưởng - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 14 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân (TAND) tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2020/TLPT-DS ngày 17 tháng 11 năm 2020 về việc "Tranh chấp về phường".

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 05/2020/DS-ST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 56/2020/QĐPT-DS ngày 08/12/2020, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn**: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1974; trú tại: Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương - Có mặt tại phiên tòa.

2. **Bị đơn**: Chị Phạm Thị T1, sinh năm 1973; trú tại: Thôn H, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương - Có mặt tại phiên tòa.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**: Anh Vũ Văn H; sinh năm 1970; trú tại: Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương - Có mặt tại phiên tòa.

- Người kháng cáo: Chị Phạm T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Hoàng Thị T trình bày:

Chị và chị Phạm Thị T1 có quan hệ quen biết do cùng buôn bán tại chợ HT. Đầu năm 2016, chị T1 có đứng ra tổ chức chơi phường và rủ chị tham gia, chị nhất trí. Chị đã tham gia chơi từ 7 đến 10 phường, mỗi phường có từ khoảng 20 đến 30 người tham gia chơi. Chị T1 là chủ phường, mỗi suất phường đóng từ 3 đến 4 triệu đồng, tức hàng tháng chị phải đóng cho chị T1 từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng. Mỗi phường sẽ tổ chức bốc hàng tháng, vào giữa tháng. Chị chơi phường đến cuối năm 2017 đến lượt được lấy phường nhưng chị T1 không thanh toán tiền phường cho chị. Do tin tưởng chị T1 nên chị vẫn tiếp tục chơi phường. Sau nhiều lần khất nợ, đến ngày 21/8/2018 âm lịch, chị T1 viết giấy chốt nợ với nội dung: Chị T1 còn nợ chị 910.000.000 đồng, mỗi ngày trả 1.000.000 đồng (tức một tháng trả 30.000.000 đồng). Nhưng cho đến ngày 06/5/2019 âm lịch, chị T1 chỉ thanh toán trả chị được 84.000.000 đồng, còn nợ 826.000.000 đồng. Chị T1 trình bày do hoàn cảnh khó khăn nên cho thay đổi phương thức trả nợ, chị cũng nhất trí. Chị T1 viết giấy nhận nợ với nội dung: Hôm nay, ngày 06/5/2019 âm lịch, tổng tất cả phường T là 826.000.000 đồng gồm gốc, lãi, chồng phường, phường chơi, mỗi tháng trả 5 triệu đồng vào ngày 15 hàng tháng âm lịch cho đến hết 826.000.000 đồng, bắt đầu trả từ 15/5/2019 âm lịch, nếu bên nào sai bên đó chịu trách nhiệm. Chị T1 đã ký, ghi rõ họ tên người nợ tiền phường Phạm Thị T1. Tuy nhiên từ ngày 15/5/2019 âm lịch đến ngày 24/12/2019 âm lịch, chị T1 mới chỉ thanh toán cho chị được tổng số tiền 28.000.000 đồng, sau đó không trả tiền nữa. Chị đã nhiều lần gặp, yêu cầu trả nợ nhưng chị T1 không trả. Đây là tài sản chung của chị và chồng là Vũ Văn H vì vậy, chị yêu cầu chị T1 phải trả cho vợ chồng chị số tiền là 798.000.000 đồng. Chị tự nguyện không yêu cầu gì về lãi suất và không có yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và trong quá trình tố tụng, bị đơn chị Phạm Thị T1 trình bày:

Chị và chị T cùng buôn bán ở chợ HT nên biết nhau và có tham gia chơi phường với nhau từ năm 2016. Ngày 21/8/2018 âm lịch, chị có viết giấy nhận nợ với nội dung còn nợ chị T tiền phường, lãi 910.000.000 đồng, mỗi ngày trả 1.000.000 đồng (tức 01 tháng trả chị T 30 triệu đồng) bắt đầu từ ngày 21/8/2018. Sau đó chị đã trả cho chị T được 84.000.000 đồng. Do phường tan rã, nhiều người bỏ trốn nên chị không trả được nợ cho chị T như đã cam kết nên ngày 06/5/2019 âm lịch, theo thoả thuận của hai bên, chị viết lại giấy nhận nợ với nội dung còn nợ chị T 826.000.000 đồng gồm gốc, lãi, chồng phường. Chị có trách nhiệm trả chị T mỗi tháng 5.000.000 đồng vào ngày 15 âm lịch hàng tháng, bắt đầu từ ngày 15/5/2019 âm lịch cho đến khi trả hết số tiền trên. Từ ngày 15/5/2019 âm lịch đến tháng 12/2019 âm lịch chị đã trả được cho chị T tổng cộng 28.000.000 đồng, sau đó chị không trả tiền nữa và xác nhận còn nợ chị T tổng số tiền 798.000.000 đồng. Lý do chị không trả tiền cho chị T nữa là vì khi trả tiền chị yêu cầu chị T ký xác nhận nhưng chị T không ký sau đó còn đi rủ rê những người khác kiện chị ra Toà. Đây là khoản nợ riêng giữa chị với chị T, không liên quan đến chồng chị vì anh Nguyễn Văn Q đã chết từ tháng 7/2015 âm lịch. Nay chị T khởi kiện yêu cầu chị phải trả toàn bộ 798.000.000 đồng chị không đồng ý vì chị không vi phạm nghĩa vụ trả nợ mà hai bên đã cam kết. Vào tháng 5/2020 tại Toà án, chị vẫn đồng ý trả cho chị T thêm

50.000.000 đồng và số tiền còn lại chị tiếp tục sẽ trả cho chị T như hai bên đã thoả thuận. Chị đề nghị Tòa án xem xét trong số tiền nợ chị T, số tiền phường chỉ có khoảng 280.000.000 đồng, còn lại là tiền lãi do chị T đi chồng phường với lãi suất cao. Chị đã chấp nhận số nợ 826.000.000 đồng với chị T vì trong đó đã bao gồm cả tiền lãi nên chị mới trả trong vòng 14 năm.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Vũ Văn H trình bày:

Anh là chồng chị Hoàng Thị T. Về các nội dung chơi phường, nợ tiền phường giữa chị T1 với vợ anh thì đúng như chị T đã trình bày. Đến nay, chị T1 còn nợ chị T tổng số tiền 798.000.000 đồng. Đây là tài sản chung của vợ chồng anh. Do chị T1 đã vi phạm thoả thuận tại giấy nhận nợ ngày 06/5/2019 âm lịch. Vì vậy, anh nhất trí với việc khởi kiện của chị T, yêu cầu Toà án buộc chị T1 phải trả cho vợ chồng anh toàn bộ số tiền trên. Vợ chồng anh tự nguyện không yêu cầu gì về lãi suất và không có đề nghị gì khác.

* Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 05/2020/DS-ST ngày 25/9/2020, Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 155, 166, 357, 468 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị T.

Buộc chị Phạm Thị T1 phải trả cho vợ chồng chị Hoàng Thị T và anh Vũ Văn H; địa chỉ: thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương tổng số tiền 798.000.000 đồng (Bảy trăm chín mươi tám triệu đồng).

Ngoài ra, tại bản án sơ thẩm, Tòa án nhân dân huyện T còn quyết định về nghĩa vụ chậm thi hành, án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08 tháng 10 năm 2020, bị đơn chị Phạm Thị T1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, nội dung thỏa thuận cụ thể như sau:

Chị Phạm Thị T1 có nghĩa vụ trả chị Hoàng Thị T và anh Vũ Văn H số tiền 798.000.000 đồng. Thời gian và phương thức trả nợ: Chị T1 có nghĩa vụ trả chị T và anh H số tiền 72.000.000 đồng vào ngày 30/3/2021. Chị T1 có nghĩa vụ trả chị T và anh H số tiền 726.000.000 đồng trong 104 tháng kể từ tháng 02/2021 đến tháng 9/2029. Trong đó:

+ Từ tháng 02/2021 đến tháng 8/2029 mỗi tháng chị T1 phải trả 7.000.000 đồng, trả vào ngày 15 hàng tháng.

+ Ngày 15/9/2029 chị T1 phải trả 5.000.000 đồng.

Nếu chị T1 vi phạm một trong những nội dung thỏa thuận nêu trên thì chị T và anh H có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án huyện T, tỉnh Hải Dương tổ chức thi hành án toàn bộ số tiền còn lại theo thỏa thuận.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Đề nghị HĐXX công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số 05/2020/DS-ST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện T theo hướng thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Giai đoạn sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xác minh, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Phạm Thị T1 kháng cáo và đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm trong thời hạn nên là kháng cáo hợp lệ.

[2] Tại phiên tòa, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, cụ thể:

Chị Phạm Thị T1 có nghĩa vụ trả chị Hoàng Thị T và anh Vũ Văn H số tiền 798.000.000 đồng (Bảy trăm chín mươi tám triệu đồng).

Thời gian và phương thức trả nợ:

- Chị T1 có nghĩa vụ trả chị T và anh H số tiền 72.000.000 đồng (Bảy mươi hai triệu đồng) vào ngày 30/3/2021.

- Chị T1 có nghĩa vụ trả chị T và anh H số tiền 726.000.000 đồng (Bảy trăm hai mươi sáu triệu đồng) trong 104 tháng kể từ tháng 02/2021 đến tháng 9/2029. Trong đó:

+ Từ tháng 02/2021 đến tháng 8/2029 mỗi tháng chị T1 phải trả 7.000.000 đồng, trả vào ngày 15 hàng tháng.

+ Ngày 15/9/2029 chị T1 phải trả 5.000.000đồng (Năm triệu đồng).

Nếu chị T1 vi phạm một trong những nội dung thỏa thuận nêu trên thì chị T và anh H có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án huyện T, tỉnh Hải Dương tổ chức thi hành án toàn bộ số tiền còn lại theo thỏa thuận.

[3] Xét thỏa thuận giữa chị T, chị T1 và anh H tại phiên tòa là tự nguyện, nội dung thỏa thuận phù hợp với pháp luật và không trái với đạo đức xã hội. Do vậy cần sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số 05/2020/DS-ST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hải Dương theo hướng thỏa thuận của các đương sự nêu trên.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị Phạm Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do sửa bản án nên chị T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 357, 468, 471 Bộ luật Dân sự; Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 144, Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Hoàng Thị T, chị Phạm Thị T1 và anh Vũ Văn H.

Sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số 05/2020/DS-ST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hải Dương như sau:

Chị Phạm Thị T1 có nghĩa vụ trả chị Hoàng Thị T và anh Vũ Văn H số tiền 798.000.000 đồng (Bảy trăm chín mươi tám triệu đồng).

Thời gian và phương thức trả nợ:

- Chị T1 có nghĩa vụ trả chị T và anh H số tiền 72.000.000 đồng (Bảy mươi hai triệu đồng) vào ngày 30/3/2021.

- Chị T1 có nghĩa vụ trả chị T và anh H số tiền 726.000.000 đồng (Bảy trăm hai mươi sáu triệu đồng) trong 104 tháng kể từ tháng 02/2021 đến tháng 9/2029. Trong đó:

+ Từ tháng 02/2021 đến tháng 8/2029 mỗi tháng chị T1 phải trả 7.000.000 đồng, trả vào ngày 15 hàng tháng.

+ Ngày 15/9/2029 chị T1 phải trả 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Nếu chị T1 vi phạm một trong những nội dung thỏa thuận nêu trên thì chị T và anh H có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án huyện T, tỉnh Hải Dương tổ chức thi hành án toàn bộ số tiền còn lại theo thỏa thuận.

Khi chị T1 vi phạm nội dung thỏa thuận, kể từ ngày chị T và anh H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị T1 chậm thi hành thì chị T1 phải trả lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được xác định theo khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí sơ thẩm: Chị Phạm Thị T1 phải chịu 35.920.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả chị Hoàng Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.960.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2017/0009833 ngày 16/6/2020.

Về án phí phúc thẩm: Chị Phạm Thị T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại chị T1 số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm chị T1đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0009935 ngày 16/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 14/01/2021.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Văn Quyết